

Số: 240H/QĐ-UBND

Cát Hải, ngày 10 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công khai dự toán điều chỉnh dự toán ngân sách
năm 2020 của huyện Cát Hải**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 3138/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2020 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Cát Hải khóa X về phê chuẩn dự toán và phân bổ ngân sách huyện năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 28/7/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Cát Hải khóa X về điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2368/QĐ-UBND, ngày 05/8/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải về việc điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2020;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2020 của huyện Cát Hải đã được Hội đồng nhân dân huyện quyết định (có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- Sở Tài chính HP;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Viện KSND, TAND huyện;
- Văn phòng Huyện ủy;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, TCKH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Quang Hiến

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 2404/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2020			
		NSNN	Trong đó NSH,X	Trong đó	
				NSH	NSX
	THU CÂN ĐỐI NS	384 729	321 970	304 062	17 908
	THU CÂN ĐỐI NS LOẠI SỐ GHI THU	359 729	296 970	279 062	17 908
	THU CÂN ĐỐI NS LOẠI TRỪ TIỀN ĐẤT VÀ SỐ GHI THU	317 729	259 170		
1	Thu quốc doanh	5 000			
2	Thuế ngoài quốc doanh	140.000	112.940	112.940	0
	GTGT	111.700	87.126	87.126	
	TNDN	11 000	8.580	8.580	
	TTĐB	300	234	234	
	Thuế tài nguyên	17.000	17.000	17.000	
3	Thuế sử dụng đất phi NN	150	150	42	108
4	Thu tiền thuê đất	65.000	65.000	65.000	
	Trong đó: Ghi thu ghi chi	25.000	25.000	25.000	
5	Thu tiền sử dụng đất	42.000	37.800	21.000	16.800
6	Thu cấp quyền khai thác KS	5.000	0		
7	Lệ phí trước bạ	15.000	6.000	6.000	
8	Thu nhập cá nhân	10.000			
9	Phí, lệ phí	96 000	95 080	94 540	540
10	Thu khác NS tính cân đối, thu cố định tại xã	6.579	5.000	4.540	460
II	THU BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	164 848	164 848	117 959	46 889
	Thu bổ sung mục tiêu	105 402	105 402	105 402	
	Thu Bổ sung cân đối	59 446	59 446	12 557	46 889
	Bổ sung mục tiêu				
III	THU CHUYỂN NGUỒN				
IV	THU KẾT DƯ				
V	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XỔ SỐ KIẾT THIẾT	1.400			
	TỔNG CỘNG	550 977	486 818	422 021	64 797



ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI TIẾT NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 2404/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	NĂM 2020											
		Dự toán năm 2020			Dự toán đề nghị điều chỉnh tăng			Dự toán đề nghị điều chỉnh giảm			Dự toán sau điều chỉnh		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Huyện	Xã		Huyện	Xã		Huyện	Xã		Huyện	Xã
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	TỔNG CỘNG (Chi ĐT+TX+DP)	469.498	404.701	64.797	69.616	69.616	0	2.980	2.980	0	536.134	471.337	64.797
I	Chi đầu tư phát triển	168.202	151.402	16.800	54.855	54.855	0	0	0	0	223.057	206.257	16.800
	Trong đó:												
-	Vốn đầu tư XDCB tập trung	105.402	105.402	-	-			-			105.402	105.402	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	37.800	21.000	16.800	-			-			37.800	21.000	16.800
-	Chi từ nguồn tăng thu, khác	-			7.820	7.820		-			7.820	7.820	-
-	Chi từ nguồn chuyển nguồn năm 2019 sang năm 2020				45.615	45.615					45.615	45.615	
-													
-	Chi từ nguồn thuê đất	25.000	25.000		-			-			25.000	25.000	-
-	Kinh phí hỗ trợ nhà theo các NQ				1.420	1.420					1.420	1.420	-
II	Chi thường xuyên	295.388	248.428	46.960	14.761	14.761	0	2.980	2.980	0	307.169	260.209	46.960
1	Chi quản lý hành chính	85.800	47.564	38.236	575	575	0	543	543	0	85.832	47.596	38.236
1.1	Quản lý nhà nước, HĐND	55.704	25.619	30.085	74	74		475	475		55.303	25.218	30.085
1.2	Đảng	17.723	13.311	4.412	500	500		-			18.223	13.811	4.412
1.3	Hội đồng nhân dân	3.989	1.444	2.545	-			-			3.989	1.444	2.545
1.4	Đoàn thể	4.584	3.390	1.194	1	1		68	68	-	4.517	3.323	1.194
1.5	Định mức bổ sung+khác	3.800	3.800		-			-			3.800	3.800	
2	Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	104.276	103.916	360	-	-	-	-	-	-	104.276	103.916	360
2.1	Sự nghiệp giáo dục	98.786	98.426	360	0			0			98.786	98.426	360
2.2	Sự nghiệp đào tạo - dạy nghề	5.490	5.490		0			0			5.490	5.490	0
3	Sự nghiệp Y tế, dân số, KHHGĐ	23.001	22.721	280	0	0	0	0	0	0	23.001	22.721	280
4	Văn hóa thông tin	5.794	5.318	475	-			-			5.793	5.318	475
5	Phát thanh truyền hình	3.544	3.389	155	-			-			3.544	3.389	155
6	Thể dục thể thao	746	456	290	-			-			746	456	290
7	Đảm bảo xã hội	10.730	8.009	2.721	11.600	11.600	0	0	0	0	22.330	19.609	2.721
7.1	Hưu xã, phường	1.864		1.864	-			-			1.864	-	1.864
7.2	Chi nghiệp vụ	2.206	1.349	857	11.600	11.600		-			13.806	12.949	857

DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 2404 /QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải)

TT	Nội dung	Dự toán Chi TX đầu năm	Dự toán điều chỉnh tăng					Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán chi TX sau điều chỉnh
			Chi thường xuyên	Trong đó				Chi thường xuyên	
				Chi TX	Chi tiết				
					Đầu năm	Chuyển nguồn	TP bổ sung		
1	Đảng	13.311	500	500	500	0	0	0	13.811
	Chi lương, nghiệp vụ	5.938	0					0	5.938
	Bổ sung định mức Văn phòng	1.400	0					0	1.400
	Phụ cấp cấp ủy khối huyện	279	0					0	279
	Bổ sung kinh phí chi đại hội	1.800	500	500	500			0	2.300
	Chi phụ cấp báo cáo viên, dự luận xã hội	136	0					0	136
	Chi theo QĐ 619, Chi tổng kết Nghị quyết 16, Triển khai Nghị quyết 45	200	0					0	200
	khen thưởng, đào tạo cán bộ, đường truyền tin học	100	0					0	100
	Kinh phí kỷ niệm 90 năm ngày thành lập các ban của Đảng	100	0					0	100
	Chi thăm viếng, khám sức khỏe và các nội dung khác	600	0					0	600
	Kinh phí hỗ trợ Đảng ngoài quốc doanh	307	0					0	307
	Mua sắm tài sản	0	0					0	0
	Mua sắm, duy tu, cải tạo, sửa chữa	2.451	0					0	2.451
2	Đoàn thể	3.390	1	1	0	1	0	68	3.323
2.1	Mặt trận tổ quốc	601	0					0	601
2.2	Đoàn TNCSHCM	655	1	1		1		0	656
2.3	Hội phụ nữ	561	0					0	561
2.4	Hội nông dân	523	0					0	523
2.5	Cưu chiến binh	492	0					0	492
2.6	Kinh phí bổ sung biên chế, hoạt động	168	0					68	100
2.7	Các hội khác	390	0	0			0	0	390
2.7.1	- Hội Chữ thập đỏ (Văn phòng HĐND - UBND)	150	0					0	150
2.7.2	- Hội Người mù (phòng LĐTBXH)	91	0					0	91
2.7.3	- Hội Người cao tuổi (Văn phòng HĐND - UBND)	149	0					0	149
3	Hội đồng nhân dân	1.444	0	0			0	0	1.444
	Cán bộ chuyên trách, chi hoạt động	1.128	0					0	1.128
	Cán bộ kiêm nhiệm	31	0					0	31
	Phụ cấp HĐND, PC trách nhiệm	285	0					0	285
4	QLHC	29.419	74	74	43	31	0	475	29.018
4.1	Văn phòng UBND	3.758	0					0	3.758
4.2	Phòng tư pháp	436	0					0	436
4.3	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.213	0					0	1.213
4.4	Phòng Kinh tế và hạ tầng	1.178	0					0	1.178
4.5	Phòng giáo dục - Đào tạo	1.076	0					0	1.076
4.6	Phòng y tế	461	0					0	461
4.7	Phòng LĐTB và XH	737	21	21		21		0	758
4.8	Phòng Văn hóa - Thông tin - thể thao và du lịch	1.305	0					0	1.305
4.9	Phòng tài nguyên môi trường	1.042	10	10		10		0	1.052

TT	Nội dung	Dự toán Chi TX đầu năm	Dự toán điều chỉnh tăng				Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán chi TX sau điều chỉnh
			Chi thường xuyên	Trong đó			Chi thường xuyên	
				Chi TX	Chi tiết			
				Đầu năm	Chuyển nguồn	TP bổ sung		
4.10	Phòng nội vụ (bảo gồm Khen thưởng)	1.801	0				0	1.801
4.11	Thanh tra	898	0				0	898
4.12	Phòng NN và PTNN (huyện)	794	0				0	794
4.13	NVQLNNSCCT	10.213	43	43	43		0	10.256
4.14	Bổ sung định mức Văn phòng HDND-UBND huyện. Trong đó: HĐND là 500; UBND 3.300	3.800	0				0	3.800
4.15	Kinh phí bổ sung biên chế	708	0				475	233
5	Chi sự nghiệp giáo dục	98.426	0	0	0	0	0	98.426
	Giáo dục: MN, TH, THCS	71.998	0				0	71.998
	Kinh phí giáo viên chờ tuyển	4.320	0				0	4.320
	Bổ sung nhiệm vụ giáo dục	1.900	0	0		0	0	1.900
	Phòng giáo dục - Đào tạo	400	0			0	0	400
	Phòng Tài chính - Kế hoạch	250	0				0	250
	Bổ sung nhiệm vụ giáo dục khác	1.250	0				0	1.250
	Hỗ trợ miễn giảm học phí NĐ 86	38	0				0	38
	Hỗ trợ ăn trưa trẻ em 3,4,5 tuổi	2.106	0				0	2.106
	Hỗ trợ chi phí học tập	64	0				0	64
	KP TH bổ sung các n/vụ và DTSCCTX	18.000	0				0	18.000
7	TT Giáo dục thường xuyên và dạy nghề	3.845	0	0		0	0	3.845
	Chi ĐM	1.771	0				0	1.771
	Kinh phí chờ tuyển	118	0				0	118
	Chi hoạt động đào tạo	352	0				0	352
	KP TH bổ sung các n/vụ và DTSCCTX	1.604	0				0	1.604
8	TT Bồi dưỡng chính trị	1.645	0	0		0	0	1.645
	Chi ĐM	645	0				0	645
	KP TH bổ sung các n/vụ và DTSCCTX	1.000	0				0	1.000
9	TT y tế - dân số và KHHGD	22.721	0	0		0	0	22.721
	Chi ĐM	1.473	0				0	1.473
	Kinh phí chờ tuyển	77	0				0	77
	Bổ sung nhiệm vụ y tế, dân số gia đình trẻ em	100	0				0	100
	+ Chi BHYT trẻ em dưới 6 tuổi	2.455	0				0	2.455
	+ Chi BHYT 1 các đối tượng bảo trợ xã hội	18.611	0				0	18.611
	+ BH học sinh	5	0				0	5
	NVSCCT	0	0				0	0
10	Sự nghiệp văn hóa	5.318	0	0		0	0	5.318
	TTVH văn hóa - thông tin	739	0				0	739
	Nhà thiếu nhi	149	0				0	149
	Kinh phí chờ tuyển (nhà văn hóa thiếu nhi, TTVHTTT)	143	0				0	143
	Kỷ niệm ngày lễ lớn	1.237	0				0	1.237
	đội thông tin lưu động (TT VHITTT)	300	0				0	300
	Kinh phí đăng báo tuyên truyền (Phòng VHTTTT)	250	0				0	250
	Chi các hoạt động văn hóa văn nghệ hè 2019 (TT VHTTTT)	300	0				0	300

TT	Nội dung	Dự toán Chi TX đầu năm	Dự toán điều chỉnh tăng					Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán chi TX sau điều chỉnh
			Chi thường xuyên	Trong đó			Chi thường xuyên		
				Chi TX	Đầu năm	Chuyển nguồn		TP bổ sung	
	NVSCCT	2.200	0					0	2.200
11	Đài phát thanh - truyền hình	3.389	0	0			0	0	3.389
	Chi lương, nghiệp vụ	1.389	0					0	1.389
	NVSCCT	2.000	0					0	2.000
12	Sự nghiệp thể dục - thể thao	456	0	0			0	0	456
	TT VHTTTT: Kinh phí tổ chức giải thể thao, mua sắm trang thiết bị nhà thi đấu	456	0					0	456
	NVSCCT	0	0					0	0
13	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	8.009	11.600	11.600	0		11.600	0	19.609
13.1	Nghiệp vụ ĐM	1.349	11.600	11.600	0		11.600	0	12.949
	Phong trào toàn dân đoàn kết XD đời sống văn hóa, gia đình VH. Cuộc vận động toàn dân xây dựng NTM và đô thị văn minh (phòng VHTTTT 40, MTTQ 30)	70	0					0	70
	Vì sự tiến bộ PN, viếng đài, rà soát hộ nghèo, quản lý đối tượng bảo trợ XH (P LĐTBXH)	50	0					0	50
	Kinh phí phản biện xã hội, Thanh tra nhân dân, BC tôn giáo, các cuộc vận động (Mặt trận: 50 triệu chi thanh tra nhân dân, BCĐ người việt nam ưu tiên dùng hàng VN; 50 triệu KP quản lý quỹ "Vì người nghèo"; 50 triệu kinh phí tham gia phản biện xã hội của hội ND, PN, CCB, ĐTN, MTTQ (10 triệu/đ.vị)	150	0					0	150
	Hội khuyến học (bao gồm cả hỗ trợ kinh phí đại hội)	50	0					0	50
	Câu lạc bộ Hà Sen, Đôn lương, chiến sỹ Điện Biên(VPHĐND -UBND)	90	0					0	90
	Hội nạn nhân chất độc màu gia cam DIOXIN	10	0					0	10
	TT pháp luật (phòng Tư pháp)	100	0					0	100
	Phòng LĐTB-XH: Kinh phí tặng quà tết cho các hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh gia đình khó khăn	829	0	0				0	829
	Kinh phí tặng quà đối tượng người có công		2.068	2.068			2.068		2.068
	Kinh phí quà chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi		52	52			52		52
	Kinh phí thực hiện NQ 53/2019/NQ-HĐND		2.250	2.250			2.250		2.250
	Kinh phí phòng chống Covid-19		1.849	1.849			1.849		1.849
	Kinh phí chăm sóc trẻ em, xóa đói giảm nghèo, mại dâm		127	127			127		127
	Hỗ trợ nhà ở người có công với cách mạng theo cơ chế hỗ trợ vật tư		23	23			23		23
	Kinh phí thực hiện mua sắm xi măng, gạch chỉ hộ nghèo NQ 52		64	64			64		64
	Kinh phí hỗ trợ tháng 4/2020 cho đối tượng gặp khó khăn		5.167	5.167			5.167		5.167
13.2	Chế độ, chính sách các đối tượng	6.660	0	0			0	0	6.660
-	Phòng LĐTB-XH:	6.600	0	0				0	6.600
	+ Chi trợ cấp hàng tháng đối tượng BTXH	6.600	0					0	6.600

TT	Nội dung	Dự toán Chi TX đầu năm	Dự toán điều chỉnh tăng					Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán chi TX sau điều chỉnh
			Chi thường xuyên	Trong đó			Chi thường xuyên		
				Chi TX	Chi tiết				
					Đầu năm	Chuyển nguồn	TP bổ sung		
-	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo	60	0					0	60
13.3	Chi cải tạo sửa chữa	0	0					0	0
14	Sự nghiệp kinh tế	33.576	2.586	2.586	2.437	131	18	2.282	33.880
14.1	Nhiệm vụ phát triển nông, lâm, thủy lợi, thủy sản, địa chính	5.763	566	566	548		18	502	5.827
	Phòng NN&PTNT: Chi bảo lữ rừng; phát triển nông, lâm, thủy lợi, thủy sản, địa chính...	75	484	484	484			0	559
	Trạm khuyến ngư	538	64	64	64			0	602
	Kinh phí phòng chống dịch bệnh		18	18			18		18
	Chi hỗ trợ vay vốn phát triển kinh tế theo NQ 54/2016 của HĐND	700	0					0	700
	Kinh phí hỗ trợ vay vốn các đối tượng chính sách	700	0					0	700
	Kinh phí quản lý địa giới hành chính và quản lý khai thác khoáng sản	50	0					0	50
	Kinh phí sửa chữa, cải tạo Nạo vét nội đồng	3.700	0					502	3.198
14.2	Nhiệm vụ đảm bảo duy tu, bảo dưỡng đường bộ theo định mức, quản lý đô thị và đảm bảo ATGT	27.813	2.020	2.020	1.889	131	0	1.780	28.053
-	Công ty quản lý CTCC&DVĐT Cát Hải	4.333	0	0			0	0	4.333
	Công tác duy tu, thị chính, quản lý đô thị, đảm bảo ATGT	1.243	0					0	1.243
	Dự kiến kinh phí duy tu phát sinh theo thực tế	1.170	0					0	1.170
	Tiền điện chiếu sáng, sửa chữa điện chiếu sáng, tiền nước(CT QLCTCC)	1.700	0					0	1.700
	Chi công tác quản lý thu các điểm kinh doanh, thu phí, khác	220	0					0	220
-	Kinh phí Đội kiểm tra liên ngành VSMT - QLĐT (300), Kinh phí đảm bảo ATGT (100) (Phòng KTHT)	400	0					0	400
-	Kinh phí phân loại đô thị (Phòng KTHT)	1.450	0					1.450	0
-	Kinh phí thực hiện mua sắm xi măng để hỗ trợ xây mới, SC nhà ở người công (NQ32)		131	131		131			131
-	Nhiệm vụ đảm bảo duy tu, bảo dưỡng đường bộ và đảm bảo ATGT khác	18.400	727	727	727			330	18.797
-	Kinh phí thực hiện nông thôn mới,Kinh phí chi phí thực hiện đầu giá đất, Kinh phí điều chỉnh quy hoạch các xã NTM giai đoạn 2011-2020	3.230	1.162	1.162	1.162			0	4.392
15	Sự nghiệp môi trường	17.370	0	0				155	17.215
-	Công ty quản lý CTCC&DVĐT Cát Hải	6.900	0	0			0	0	6.900

TT	Nội dung	Dự toán Chi TX đầu năm	Dự toán điều chỉnh tăng					Dự toán điều chỉnh giảm	
			Chi thường xuyên	Trong đó				Chi thường xuyên	Dự toán chi TX sau điều chỉnh
				Chi TX	Đầu năm	Chuyển nguồn	TP bổ sung		
	Công tác môi trường: quét dọn lòng đường vỉa hè, duy trì dải phân cách theo giá dịch vụ. Chi thu gom, vận chuyển xử lý rác công tại Đình Vũ	2.589	0					0	2.589
	Công ty quản lý CTCC&DVĐT Cát Hải (Công tác thị chính: Công tác duy trì cây xanh, trạm xử lý nước thải, trông coi nhà vệ sinh...)	2.179	0					0	2.179
	Mua hóa chất, xử lý đài phun nước, Công tác vận hành, quản lý các trạm xử lý nước thải (7,8,9,10; trạm Tùng Dinh 1,2; Trạm Khe Sấu) (CT QLCTCC)	2.132	0					0	2.132
-	Kinh phí bảo vệ môi trường, phòng chống biến đổi khí hậu, môi trường biển và Hải đảo (phòng TNMT)	150	0					0	150
-	Hỗ trợ di truyền lông bè trên vịnh Lan Hạ theo Quyết định 538 (công tác hỗ trợ nhân dân theo đề án, công tác tuyên truyền, vận động...) - Ban QL các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà	1.000	0					0	1.000
	Chi nghiệp vụ	1.020	0					0	1.020
-	NVMTSCCT	8.300	0					155	8.145
16	An ninh, quốc phòng	4.409	0	0			0	0	4.409
16.1	Nhiệm vụ an ninh	1.048	0	0			0	0	1.048
-	Chi an ninh (Công tác an ninh trật tự Công an huyện)	348	0					0	348
-	Hỗ trợ công tác xử phạt vi phạm Công an huyện	200	0					0	200
-	Chi nghiệp vụ	400	0					0	400
-	Chi phòng cháy chữa cháy	100	0					0	100
16.2	Quốc phòng	3.361	0	0	0		0	0	3.361
	Chi quốc phòng	1.935	0					0	1.935
	Kinh phí quốc phòng địa phương	306							306
	Kinh phí cải tạo trường bắn Áng Vả	520	0					0	520
-	Đồn biên phòng Cát Bà	300	0	0			0	0	300
	Công tác an ninh biển đảo	100	0					0	100
	Hỗ trợ công tác xử phạt vi phạm	200	0					0	200
-	Đồn biên phòng Cát Hải	300	0	0				0	300
	Công tác an ninh biển đảo	100	0					0	100
	Hỗ trợ công tác xử phạt vi phạm	200	0					0	200
17	Chi thường xuyên khác	1.700	0					0	1.700
	Tổng cộng	248.428	14.761	14.761	2.980	163	11.618	2.980	260.209

THUYẾT MINH ĐIỀU CHỈNH TĂNG, GIẢM DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH

(Kèm theo Quyết định số 2404 /QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải)

ĐVT. Triệu đồng

TT	Nội dung	Ngân sách Huyện					Ghi chú
		Điều chỉnh tăng	Trong đó			ĐC giảm trong dự toán đã được bố trí đầu năm	
			ĐC do BS từ nguồn TP	Chuyển nguồn	ĐC tăng trong dự toán đã được bố trí đầu năm		
	TỔNG CỘNG						
	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH	172.660	13.038	156.642	2.980	20.300	
A	CHI ĐẦU TƯ	54.855	1.420	53.435	-	-	
1	Vốn đầu tư XD CB tập trung	-					
	Chi đầu tư công năm 2020 từ nguồn tăng thu năm 2019	7.820		7.820			Công văn số 02/HĐND-KTXH ngày 13/3/2020 của HĐND huyện
	Số dư tạm ứng được phép chuyển sang theo quy định	33.174		33.174			Quyết định 227/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của UBND huyện
	Kinh phí chi đầu tư công năm 2019 được phép chuyển sang năm 2020	12.441		12.441			
2	Chi hỗ trợ nhà theo QĐ 32	1.420	1.420				
B	CHI THƯỜNG XUYÊN	14.761	11.618	163	2.980	2.980	
B.1	CHI THƯỜNG XUYÊN ĐIỀU CHỈNH TRONG SỐ GIAO ĐẦU NĂM	2.980	-		2.980	2.980	
I	Điều chỉ giảm SN môi trường . Tăng SN kinh tế cấp huyện	155	-	-	155	155	
4	Sự nghiệp kinh tế	155	-	-	155	-	
	Nâng cấp, cải tạo, chỉnh trang mặt bằng vỉa hè khu Tùng Dinh trước cổng chợ chính.	155			155		Theo Công văn số 844/UBND-KT&HT ngày 08/5/2020 của UBND huyện

TT	Nội dung	Ngân sách Huyện				Ghi chú	
		Điều chỉnh tăng	Trong đó				ĐC giảm trong dự toán đã được bố trí đầu năm
			ĐC do BS từ nguồn TP	Chuyển nguồn	ĐC tăng trong dự toán đã được bố trí đầu năm		
5	Sự nghiệp môi trường	0	0	0	0	155	
	Cải tạo nâng cấp hệ thống thoát nước khu trung tâm thị trấn Cát Bà (đoạn từ Khách sạn Dream đến Nhà hàng Hải Yến)					155	Quyết toán được duyệt
II	Điều chỉnh trong cùng sự nghiệp	2.825	-		2.825	2.825	
1	Quản lý nhà nước	543	-		543	543	
	Bổ sung kinh phí đại hội đảng bộ huyện	500			500		(Dự toán kinh phí ĐH Đảng là 2.315 triệu đồng, đã bố trí trong kế hoạch là 1.800 triệu đồng, số còn thiếu cần bổ sung là 500 triệu đồng)
	Kinh phí bổ sung biên chế chờ tuyển và hoạt động của đoàn thể					68	KH đầu năm bố trí là 168triệu đồng, ước hết năm thực hiện bổ sung kinh phí cho biên chế mới là 100triệu đồng, số còn lại không sử dụng điều chuyển để thực hiện các nội dung khác của QLNN
	Kinh phí chờ tuyển QLNN					475	KH đầu năm bố trí là 708 triệu đồng, ước hết năm thực hiện bổ sung kinh phí cho biên chế mới là 233 triệu đồng, số còn lại không sử dụng điều chuyển để thực hiện chi ĐH Đảng bộ
	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã Nghĩa Lộ	20			20		Quyết toán được duyệt
	Sửa chữa trụ sở UBND xã Hiền Hào	23			23		Quyết toán được duyệt

TT	Nội dung	Ngân sách Huyện					Ghi chú
		Điều chỉnh tăng	Trong đó			ĐC giảm trong dự toán đã được bố trí đầu năm	
			ĐC do BS từ nguồn TP	Chuyển nguồn	ĐC tăng trong dự toán đã được bố trí đầu năm		
2	Sự nghiệp kinh tế	2.282	-		2.282	2.282	
	Kinh phí chi phí thực hiện đầu giá đất	495			495		Kinh phí được duyệt tại QĐ số 2097 ngày 31/12/2019.
	Nâng cấp, cải tạo, chỉnh trang mặt bằng vỉa hè khu Tùng Dinh trước cổng chợ chính.	345			345		Theo Công văn số 844/UBND-KT&HT ngày 08/5/2020 của UBND huyện
	Kinh phí phân loại đô thị (Phòng KTHT)	-				1.450	Đề án chưa có quy hoạch điều chỉnh chung của thành phố và chương trình phát triển chưa được duyệt.
	Kinh phí điều chỉnh quy hoạch các xã NTM giai đoạn 2011-2020	667			667		Kinh phí thực hiện NTM, QL đất đai khác : 3.230 triệu đã bố trí: kinh phí điều chỉnh quy hoạch QĐ 162/QĐ UBND:1668,78 và kinh phí kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019: 1.469,443 , kinh phí cột điện nở hoa: 47 triệu. Tuy nhiên kinh phí được phê duyệt của quy hoạch điều chỉnh NTM các xã: 2.335,379 - 1.668,78 còn thiếu 666,599
	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đê bao xã Phù Long, hạng mục xây kè đá mặt ngoài và cứng hóa mặt đê					481	Quyết toán được duyệt
	Nâng cấp mở rộng mương thoát lũ xã Hiền Hào(đoạn sau đền Hiền Hào)					21	Quyết toán được duyệt
	Quét vôi ve đường hè, sơn cọc tiêu biển báo đón tết Canh Tý 2020	58			58		Quyết toán được duyệt

TT	Nội dung	Ngân sách Huyện					Ghi chú
		Điều chỉnh tăng	Trong đó			ĐC giảm trong dự toán đã được bố trí đầu năm	
			ĐC do BS từ nguồn TP	Chuyển nguồn	ĐC tăng trong dự toán đã được bố trí đầu năm		
	Trang trí điện đón tết Canh Tý 2020	169			169		Quyết toán được duyệt
	Cải tạo, nâng cấp đường dây hạ thế cấp hiện từ TBA 400KVA trạm xử lý nước thải từng dinh đến trạm bơm nước thải xây dựng mới	-				42	Quyết toán được duyệt
	Kinh phí bảo lữ rừng, phát triển nông lâm thủy lợi	484			484		Bổ sung để thực hiện nhiệm vụ trong phát sinh trong năm
	Lắp đặt hệ thống đèn LED trang trí tuyến đường Hà Sen - Cái Bèo, thị trấn Cát Bà (từ ngã ba Xây dựng cũ đến Ngã ba Núi Xẻ) và khu vực trung tâm Thị trấn Cát Hải					288	Quyết toán được duyệt
	Tổ chức các lớp tập huấn của Trạm khuyến ngư	64			64		Bổ sung để thực hiện nhiệm vụ trong phát sinh trong năm
B.2	ĐIỀU CHỈNH CHI THƯỜNG XUYÊN TỪ CÁC NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ BỔ SUNG	11.618	11.618		-	-	
I	Chi thường xuyên	11.618	11.618				
1	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	11.600	11.600				
	Kinh phí tặng quà đối tượng người chính sách và người cao tuổi nhân dịp tết Nguyên đán Canh Tý	2.068	2.068				
	Kinh phí quà chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi	52	52				
	Kinh phí thực hiện NQ 53/2019/NQ-HĐND về tăng mức trợ cấp xã hội các đối tượng	2.250	2.250				
	Kinh phí phòng chống Covid-19	1.849	1.849				
	Kinh phí chăm sóc trẻ em, xóa đói giảm nghèo, mại dâm	127	127				
	Hỗ trợ nhà ở người có công với cách mạng theo cơ chế hỗ trợ vật tư	23	23				
	Kinh phí thực hiện mua sắm xi măng, gạch chỉ hộ nghèo NQ 52	64	64				

TT	Nội dung	Ngân sách Huyện					Ghi chú
		Điều chỉnh tăng	Trong đó			ĐC giảm trong dự toán đã được bố trí đầu năm	
			ĐC do BS từ nguồn TP	Chuyển nguồn	ĐC tăng trong dự toán đã được bố trí đầu năm		
	Kinh phí hỗ trợ cho đối tượng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19	5.167	5.167				
2	Nhiệm vụ phát triển nông, lâm, thủy lợi, thủy sản, địa chính	18	18				
	Kinh phí phòng chống dịch bệnh	18	18				
B.3	KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2019 ĐƯỢC PHÉP CHUYỂN SANG 2020 CHI THEO QUY ĐỊNH	163	-	163	-	-	
1	Quản lý nhà nước, đảng đoàn thể	32		32			
	Kinh phí giao tự chủ cho các đơn vị	32		32			
2	Sự nghiệp kinh tế	131		131			
	Kinh phí thực hiện mua sắm xi măng để hỗ trợ xây mới, SC nhà ở người công (NQ32)	131		131			
C	SỐ TĂNG THU ĐIỀU TIẾT CHƯA PHÂN BỐ					17.320	
D	NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	103.044		103.044			Quyết định 227/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của UBND huyện
	Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương đã giao cho các đơn vị	41		41			
	Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương chưa giao cho các đơn vị	103.003		103.003			

DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH CHI MỤC TIÊU NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 2404 /QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải)

ĐVT: triệu đồng

TT	Tên dự án	Đại diện CĐT	Kế hoạch vốn phân bổ năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG		67.868	770	987	67.651
I	Quản lý nhà nước		12.664	43	0	12.707
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>2.599</i>	<i>43</i>	<i>0</i>	<i>2.642</i>
1	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện	VP HĐND - UBND huyện	1.345			1.345
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND thị trấn Cát Hải; Hạng mục: Nhà làm việc và các công trình phụ trợ	UBND TT Cát Hải	468			468
3	Cải tạo, sửa chữa khu phụ trợ, sân thể chất Nhà làm việc Phòng Tài chính - Kế hoạch	Phòng Tài chính - Kế hoạch	135			135
	Sửa chữa trụ sở UBND xã Hiền Hào	UBND xã Hiền Hào		23		23
	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã Nghĩa Lộ	UBND xã Nghĩa Lộ		20		20
4	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Huyện ủy Cát Hải	VP Huyện ủy	651			651
	<i>Công trình mới năm 2020</i>		<i>5.671</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>5.671</i>
1	Cải tạo, sửa chữa khuôn viên cây xanh trụ sở Huyện Ủy	VP Huyện ủy	1.000			1.000
2	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã Phù Long	UBND xã Phù Long	3.371			3.371
3	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND Xã Văn phong	UBND xã Văn Phong	900			900
4	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã, nhà văn hóa xã Hoàng Châu	UBND xã Hoàng Châu	400			400
	<i>Mua sắm tài sản năm 2020</i>		<i>4.394</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>4.394</i>
1	Kinh phí triển khai phần mềm		920			920
2	Kinh phí chỉnh lý tài liệu lưu trữ	Phòng Nội vụ	1.314			1.314
3	Mua sắm cơ sở vật chất phòng 1 cửa	VP HĐND - UBND huyện	1.360			1.360
4	Mua sắm tài sản Văn phòng Huyện Ủy	VP Huyện ủy	800			800
II	Sự nghiệp giáo dục		18.000	0	0	18.000
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>8.340</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>8.340</i>
1	Sửa chữa nhà lớp học hai tầng Trường TH&THCS Gia Luận	Trường TH&THCS Gia Luận	420			420
2	Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học Trường TH&THCS Võ Thị Sáu	Trường TH&THCS Võ Thị Sáu	460			460
3	Cải tạo, sửa chữa Trường THCS thị trấn Cát Bà; Hạng mục: Lát gạch sân trường, nhà lớp học và nhà hiệu bộ	Trường THCS thị trấn Cát Bà	1.950			1.950
4	Cải tạo, sửa chữa Nhà lớp học Trường TH&THCS Văn Phong	Trường TH&THCS Văn Phong	730			730
5	Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Thị trấn Cát Hải; Hạng mục: Nhà lớp học hai tầng và nhà 1 tầng, lát gạch sân	Trường THCS Thị trấn Cát Hải	980			980
6	Cải tạo sửa chữa Trường Mầm non Sơn Ca	Trường Mầm non Sơn ca	2.000			2.000
7	Cải tạo, sửa chữa Trường TH&THCS Hoàng Châu	Trường TH&THCS Hoàng Châu	700			700
8	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Khu hiệu bộ trường Tiểu học Chu Văn An	Trường Tiểu học Chu Văn An	1.100			1.100
	<i>Công trình mới năm 2020</i>		<i>9.660</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>9.660</i>
1	Nâng cấp, cải tạo và sửa chữa Trường mầm non Hoàng Châu	Trường Mầm non Hoàng Châu	2.760			2.760

TT	Tên dự án	Đại diện CĐT	Kế hoạch vốn phân bổ năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh
1	2	3	4	5	6	7
2	Nâng cấp, cải tạo và sửa chữa trường mầm non Đồng Bài	Trường Mầm non Đồng Bài	2.000			2.000
3	Nâng cấp, cải tạo và sửa chữa Trường Mầm non Sao Mai	Trường Mầm non Sao Mai	2.000			2.000
4	Nâng cấp, cải tạo và sửa chữa khu II trường tiểu học Đoàn Đức Thái	Trường Tiểu học Đoàn Đức Thái	1.000			1.000
5	Cải tạo và sửa chữa trường mầm non Trần Châu	Trường Mầm non Trần Châu	600			600
6	Nâng cấp, cải tạo và sửa chữa trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	1.000			1.000
7	Nâng cấp và sửa chữa nhà lớp học trường tiểu học Việt Hải	Trường tiểu học Việt Hải	300			300
III	Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề		2.604	0	0	2.604
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>604</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>604</i>
1	Cải tạo sửa chữa Trung tâm GDNN - GDTX huyện Cát Hải (cơ sở 1)	Trung tâm GDNN - GDTX	604			604
	<i>Công trình mới năm 2020</i>		<i>2.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>2.000</i>
1	Nâng cấp, cải tạo và sửa chữa Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện	1.000			1.000
2	Nâng cấp, cải tạo và sửa chữa Trung tâm GDNN-GI	Trung tâm GDNN - GDTX	1.000			1.000
IV	Sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao		2.200	0	0	2.200
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>120</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>120</i>
1	Sửa chữa Nhà văn hóa thôn Đoài và thôn Chấn, xã Đồng Bài	UBND xã Đồng Bài	120			120
2	Sửa chữa hội trường NVH xã và NVH thôn Minh Tân xã Nghĩa Lộ	UBND xã Nghĩa Lộ		29		29
	<i>Công trình mới năm 2020</i>		<i>1.680</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>1.680</i>
1	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa xã Việt Hải	UBND xã Việt Hải	250			250
2	Cải tạo, sửa chữa nhà thiếu nhi huyện	Huyện Đoàn Cát Hải	1.200			1.200
3	Nâng cấp, sửa chữa các NVH TDP1,2,3 và TDP 17,18 Thị trấn Cát Bà	UBND Thị trấn Cát Bà	230			230
	<i>Mua sắm tài sản năm 2020</i>		<i>400</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>400</i>
1	Mua sắm tài sản Trung tâm văn hóa Thông tin thể thao	Trung tâm văn hóa Thông tin thể thao	400			400
V	Sự nghiệp phát thanh truyền hình		2.000	0	0	2.000
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>230</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>230</i>
1	Xây mới nhà kho, nhà để máy phát điện, bảo dưỡng cột phát sóng Đài phát thanh	Đài phát thanh	230			230
	<i>Công trình mới năm 2020</i>		<i>1.520</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>1.520</i>
1	Cải tạo, sửa chữa trạm phát sóng Cát Bà, Hiền Hào,	Đài phát thanh	400			400
2	Tháo dỡ cột phát sóng Viba	Đài phát thanh	300			300
3	Sửa chữa hệ thống truyền thanh xã Nghĩa Lộ, Xã Gia Luận; Xã Đồng Bài; Thị trấn Cát Hải		820			820
	<i>Mua sắm tài sản năm 2020</i>		<i>250</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>250</i>
1	Mua mới 01 máy quay và phụ kiện	Đài phát thanh	250			250
VII	Sự nghiệp kinh tế		22.100	727	832	21.995
1	Sự nghiệp nông nghiệp		3.700	0	502	3.198
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>780</i>	<i>0</i>	<i>502</i>	<i>278</i>
1	Nâng cấp, mở rộng mương thoát lũ xã Hiền Hào (đoạn sau đê Hiền Hào)	UBND xã Hiền Hào	80		21	59
2	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đê bao xã Phù Long; Hạng mục: Xây kè đá mặt ngoài và cứng hóa mặt đê từ cống số 4 đến hết đoạn đê phía Tây Nam.	UBND xã Phù Long	700		481	219

TT	Tên dự án	Đại diện CĐT	Kế hoạch vốn phân bổ năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh
1	2	3	4	5	6	7
	Công trình mới năm 2020		2.920	0	0	2.920
1	Nâng cấp, cải tạo mương thoát lũ xã Hiền Hào	UBND xã Hiền Hào	2.920			2.920
2	Sự nghiệp giao thông thị chính		18.400	727	330	18.797
	Công trình chuyển tiếp		3.068	0	42	3.026
1	Xây dựng dãy nhà làm việc tạm, nhà vệ sinh công cộng, nhà chờ khu vực Bến Bèo (thực hiện theo CV 7341/UBND -NC ngày 14/11/2018 của UBND thành phố)	Công ty QLCTCC&DVĐT CH	387			387
2	Trồng cây xanh, dàn hoa tuyến đường từ bến tàu vào trung tâm xã Việt Hải	UBND xã Việt Hải	800			800
3	Cải tạo, sửa chữa 02 nhà vệ sinh công cộng khu Trung tâm du lịch Cát Bà	Công ty QLCTCC&DVĐT CH	163			163
4	Cải tạo, nâng cấp đường dây hạ thế cấp hiện từ TBA 400KVA trạm xử lý nước thải từng dinh đến trạm bơm nước thải xây dựng mới	Công ty QLCTCC&DVĐT CH	350		42	308
5	Cải tạo, nâng cấp mặt đường, vỉa hè đường Tùng Dinh, thị trấn Cát Bà.	Công ty QLCTCC&DVĐT CH	1.368			1.368
	Công trình mới năm 2020		13.332	727	288	13.771
1	Cải tạo, nâng cấp rãnh thoát nước, vỉa hè Tổ dân phố Hùng Sơn, thị trấn Cát Bà	UBND thị trấn Cát Bà	1.400			1.400
2	Cải tạo, lắp đặt đường điện 3 pha UBND xã Hiền Hào	UBND xã Hiền Hào	150			150
3	Cải tạo, mở rộng tuyến đường trục xã Việt Hải, đoạn từ Cổng làng đến hồ chứa nước	UBND xã Việt Hải	2.000			2.000
4	Lắp đặt hệ thống đèn LED trang trí tuyến đường Hà Sen - Cái Bèo, thị trấn Cát Bà (từ ngã ba Xây dựng cũ đến Ngã ba Núi Xê) và khu vực trung tâm Thị trấn Cát Hải	Công ty QLCTCC&DVĐT CH	1.000		288	712
5	Cải tạo, nâng cấp mặt đường bê tông, hệ thống thoát nước thải, cáp ngầm Tuyến đường lô 2 Núi Ngọc, thị trấn Cát Bà.	Công ty QLCTCC&DVĐT CH	5.382			5.382
6	Cải tạo, sửa chữa chống dột, chống sập chợ thị trấn Cát Hải	UBND thị trấn Cát Hải	1.300			1.300
7	Quét vôi ve đường hè, sơn cọc tiêu biển báo đón tết Canh Tý 2020	Công ty QLCTCC&DVĐT CH	200	58		258
8	Trang trí điện đón tết Canh Tý 2020	Công ty QLCTCC&DVĐT CH	900	169		1.069
9	Nâng cấp, cải tạo, chỉnh trang mặt bằng vỉa hè khu Tùng Dinh trước cổng chợ chính.	Công ty QLCTCC&DVĐT CH		500		500
10	Sửa chữa điện, trang trí đèn Led đón tết Canh Tý 2020	Công ty QLCTCC&DVĐT CH	1.000			1.000
	Mua sắm tài sản năm 2020		2.000	0	0	2.000
1	Mua xe ép rác phục vụ công tác VSMT	Công ty QLCTCC&DVĐT CH	2.000			2.000
VII	Sự nghiệp môi trường		8.300	0	155	8.145
	Công trình chuyển tiếp		6.080	0	155	5.925
1	Nạo vét rãnh thoát nước Tổ dân phố Đôn Lương và Hòa Hy, thị trấn Cát Hải	UBND thị trấn Cát Hải	480			480
2	Khắc phục, xử lý tình trạng ô nhiễm nước thải đầu ra tại Trạm xử lý nước thải TDP 7,8,9,10	Công ty QLCTCC&DVĐT CH	142			142

TT	Tên dự án	Đại diện CĐT	Kế hoạch vốn phân bổ năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh
1	2	3	4	5	6	7
3	Khắc phục, xử lý tình trạng ô nhiễm nước thải đầu ra tại Trạm xử lý nước thải Tùng Dinh I	Công ty QLCTCC&DVĐT CH	2.000			2.000
4	Cải tạo nâng cấp hệ thống thoát nước khu trung tâm thị trấn Cát Bà (đoạn từ Khách sạn Dream đến Nhà hàng Hải Yến)	Công ty QLCTCC&DVĐT CH	2.258		155	2.103
5	Nâng cấp, cải tạo rãnh thoát nước các Tổ dân phố thị trấn Cát Bà	UBND thị trấn Cát Bà	1.200			1.200
	Công trình mới năm 2020		2.220	0	0	2.220
2	Nâng cấp hệ thống thoát nước, xây bể chứa xử lý nước thải khu vực Tùng Dinh, thị trấn Cát Bà	Công ty QLCTCC&DVĐT CH	1.220			1.220
3	Nạo vét rãnh thoát nước tổ dân phố Tiến Lộc, Hải Lộc, Lục Độ, Thị trấn Cát Hải	UBND thị trấn Cát Hải	1.000			1.000